

Số: 6.33../CV-BVBV
V/v: Yêu cầu báo giá công cụ, dụng cụ,
vật tư thay thế năm 2023

Ba Vì, ngày 13 tháng 7 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa huyện Ba Vì có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm công cụ, dụng cụ, vật tư thay thế năm 2023 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa huyện Ba Vì.
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Hoàng Thị Ngân

- Chức vụ: Nhân viên Phòng Vật tư – Thiết bị y tế;
- Số điện thoại: 0987.379.078;
- Địa chỉ mail: phongvattubavi@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại:

Phòng Vật tư – Thiết bị y tế - Bệnh viện Đa khoa huyện Ba Vì;

Địa chỉ: Xã Đồng Thái, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 13 tháng 7 năm 2023 đến trước 17h00 ngày 25 tháng 7 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục công cụ, dụng cụ, vật tư thay thế (Chi tiết tại Phụ lục số 01).
2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Bệnh viện Đa khoa huyện Ba Vì.
3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (Giao hàng thành nhiều đợt theo nhu cầu của Bệnh viện, thời gian giao hàng chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đặt hàng; khi có nhu cầu đột xuất thời gian chậm nhất là 48 giờ kể từ nhận khi được đơn đặt hàng).
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:



- Tạm ứng: Không áp dụng.

- Thanh toán hợp đồng: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày 02 bên ký biên bản bàn giao nghiệm thu và nhà cung cấp cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ theo quy định của pháp luật.

5. Các thông tin khác: Đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam thực hiện báo giá theo mẫu đính kèm (Chi tiết tại Phụ lục số 02).

Nơi nhận:

- Như Đề gửi;
- Lưu: VT

GIÁM ĐỐC 



Phạm Bá Hiền

V
CH
Y
HỒ

PHỤ LỤC SỐ 01: DANH MỤC CÔNG CỤ, DỤNG CỤ, VẬT TƯ THAY THẾ
(Kèm theo Công văn số 633/CV-BVBV ngày 13/7/2023 của Bệnh viện Đa khoa huyện Ba Vì)

STT	Danh mục	Một số yêu cầu về thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
I. Công cụ, dụng cụ y tế				
1	Am pu bóp bóng	- Chất liệu: nhựa PVC, bơm hơi có van an toàn, các cỡ người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.	6	Cái
2	Ăng cơ	- Kẹp hình tim không răng ≥ 25 cm, chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn: ISO 9001 hoặc tương đương.	3	Cái
3	Banh Hartmann	- Bánh Hartmann cỡ ≥ 14 cm, chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn 9001 hoặc tương đương.	2	Cái
4	Banh phẫu thuật Parker-Langenbeck	- Bánh phẫu thuật Parker-Langenbeck, chất liệu thép không gỉ, kích thước ≥ 21 cm. - Tiêu chuẩn 9001 hoặc tương đương.	2	Cái
5	Banh vết thương Farabeuf 120mm	- Bánh Farabeuf ≥ 120 mm, chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn 9001 hoặc tương đương.	8	Cái
6	Banh vết thương Farabeuf 140mm	- Bánh Farabeuf ≥ 140 mm, chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn 9001 hoặc tương đương.	2	Cái
7	Bẫy chân răng thẳng	- Bẫy chân răng các cỡ, chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	10	Cái
8	Bỏ cào to	- Kích thước ≥ 22 cm, thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	2	Cái
9	Bộ cắt khâu tăng sinh môn	- Gồm: 01 Panh sát khuẩn; 1 phẫu tích có máu; 01 kéo cắt tăng sinh môn (kéo đầu tù); 01 kim kẹp kim; 01 hộp inox. - Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	20	Bộ
10	Bộ chăm sóc răng miệng	- Gồm: 01 hộp bông cotton; 01 khay quả đậu; 01 kéo; 01 panh cong có máu; 01 phẫu tích có máu; 01 Nĩa Nha. - Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	5	Bộ
11	Bộ chích chấp lệ	- Gồm: dao lá lũa 1 chiếc, kẹp chấp to 1 chiếc, kẹp chấp bé 1 chiếc, kéo cắt 1 chiếc, kim kẹp kim mắt 1 chiếc, vành mi 1 chiếc, nĩa giác mạc 8 chiếc, đèn mi 9 chiếc, panh 12 cm 1 chiếc, cán dao + lưỡi dao 1 chiếc, thìa nạo mắt 1 chiếc, bao da 1 chiếc. - Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	2	Bộ
12	Bộ đặt nội khí quản	- Bộ đèn đặt nội khí quản 3 lưỡi, bóng đèn LED có thể tháo rời. - Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	3	Bộ

STT	Danh mục	Một số yêu cầu về thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
13	Bộ đỡ đẻ	- Gồm: 01 Panh sát khuẩn; 01 kéo cắt rốn (kéo thẳng); 01 Panh có mấu; 01 hộp inox. - Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	20	Bộ
14	Bộ đo nhãn áp	- Gồm: 01 dụng cụ đo nhãn áp có chia vạch; 4 quả cân, 1 hộp đựng dụng cụ. - Chất liệu: chủ yếu là thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	2	Bộ
15	Bộ kim nhổ răng trẻ em	- Gồm 7 chi tiết: Kim nhổ răng trên, dưới, trái, phải và kim nhổ răng sữa và răng hàm trong và răng hàm ngoài. - Chất liệu: thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	2	Bộ
16	Bộ mở khí quản	- Gồm: 01 dao kích khí quản Lynch; 01 dụng cụ banh khí quản Trouseun $\geq 14\text{cm}$; 01 móc khí quản 01 răng; 01 dụng cụ đặt khí quản Hurd $\geq 22.5\text{cm}$; 01 panh cầm máu cong không mấu $\geq 12\text{cm}$; 01 kẹp phẫu tích có mấu $\geq 12\text{cm}$; 01 Ống đặt khí quản Jackson; 01 kẹp phẫu tích không mấu $\geq 12\text{cm}$; 01 Banh vết mổ Farabeuf; 01 luồn chỉ trái; 01 luồn chỉ phải; 01 móc 2 răng; 01 panh thẳng không mấu $\geq 12\text{cm}$; 01 kẹp kim 16cm; 01 hộp đựng dụng cụ. - Chất liệu: thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	2	Bộ
17	Bộ thông lệ đạo người lớn	- Gồm que 3 que 2 đầu 6 số và kim thông lệ đạo, 01 bao da. - Chất liệu: thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	2	Bộ
18	Bộ thông lệ đạo trẻ em	- Gồm que 3 que 2 đầu 6 số và kim thông lệ đạo, 01 bao da. - Chất liệu: thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	2	Bộ
19	Bóc tách lợi	- Chất liệu thép không gỉ. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	4	Bộ
20	Bơm hút thai 1 van	- Ống bơm 1 van có dung tích : $\geq 60\text{cc}$ - Bơm có thể tái sử dụng nhiều lần. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	5	Cái
21	Bơm hút thai 2 van	- Ống bơm 2 van có dung tích : $\geq 60\text{cc}$ - Bơm có thể tái sử dụng nhiều lần. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	3	Cái
22	Bóng mềm người lớn	- Bóng gây mê giúp thở, thể tích 2 lít, chất liệu silicon, sử dụng nhiều lần.	4	Cái
23	Cán dao mổ các số	- Chất liệu thép không gỉ. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	30	Cái
24	Dây máy thở người lớn	- Bộ dây thở bằng silicon dùng cho người lớn (ID 22mm). Gồm: 04 đoạn dây thở bằng silicon dài $\geq 60\text{cm}$, 01 đoạn dây thở bằng silicon dài $\geq 45\text{cm}$, 02 bể nước, 01 cút chữ Y, sử dụng nhiều lần. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	7	Bộ

STT	Danh mục	Một số yêu cầu về thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
25	Dây máy thở trẻ em	- Bộ dây thở bằng silicon dùng cho trẻ em (ID 15mm). Gồm: 04 đoạn dây thở bằng silicon dài $\geq 60\text{cm}$, 01 đoạn dây thở bằng silicon dài $\geq 45\text{cm}$, 02 bể nước, 01 cút chữ Y, sử dụng nhiều lần. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	1	Bộ
26	Đèn đọc phim 1 cửa	- Nguồn điện: 220V, khung đèn inox, bóng đèn LED, kích thước $\geq 45\text{cm} \times 36\text{cm}$. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	1	Cái
27	Đèn đọc phim 2 cửa	- Nguồn điện: 220V, khung đèn inox, bóng đèn led, kích thước $\geq 45\text{cm} \times 72\text{cm}$. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	2	Cái
28	Đèn gù	- Đèn gù chân cao chiều cao đèn 1,7 mét, dây dẫn điện $\geq 3\text{m}$, công suất tối đa $\geq 250\text{w}$. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	9	Cái
29	Đèn hồng ngoại	- Bóng đèn 220v - 240v, 250w, đui xoáy. Phổ ánh sáng hồng ngoại. - Đèn chân cao $\geq 1,7\text{m}$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	9	Cái
30	Đèn soi đáy mắt cầm tay	- Bộ đèn gồm: 01 Đầu đèn khám mắt ánh sáng xenon $\geq 2,5\text{V}$; 01 Cán pin trung, 01 Bóng đèn dự phòng, 01 Kính phóng đại ≥ 5 lần, 01 Hộp đựng. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	1	Bộ
31	Điện cực phẫu tích và cầm máu hình chữ L	- Điện cực phẫu tích và cầm máu, đầu hình chữ L, vỏ bọc cách điện, có chân cầm đốt điện đơn cực. Cỡ khoảng 5 mm, chiều dài $\geq 36\text{ cm}$. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	1	Cái
32	Dũa xương	- Dũa xương cỡ $\geq 18\text{ cm}$, Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	2	Cái
33	Đục móng nhỏ	- Chất liệu thép không gỉ. - Dụng cụ đục xương đầu đục hình móng cỡ khoảng 3,0 mm. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	1	Cái
34	Đục xương hàm mặt	- Đục xương hàm mặt cỡ khoảng 4mm, 6mm. Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	4	Bộ
35	Dụng cụ lấy dị vật mũi	- Dụng cụ kẹp lấy dị vật mũi, kích thước $\geq 12,5\text{cm}$. - Chất liệu thép không gỉ. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	5	Cái
36	Dụng cụ mở miệng	- Dụng cụ banh miệng, kích thước $\geq 13\text{cm}$ - Chất liệu thép không gỉ. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	1	Cái
37	Dụng cụ mở mũi người lớn	- Chất liệu thép không gỉ. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	10	Cái
38	Dụng cụ thở T tube	- Dụng cụ thở T tube, chất liệu nhựa y tế. Có thể tiệt trùng để tái sử dụng. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	4	Bộ
39	Elevantor các cỡ	- Dụng cụ bẩy xương $\geq 15\text{cm}$, chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	2	Cái

STT	Danh mục	Một số yêu cầu về thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
40	Hàm forceps lưỡng cực	- Hàm forceps lưỡng cực, kích thước khoảng: rộng khoảng 3 mm, cỡ khoảng 5 mm, chiều dài ≥ 330 mm. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	1	Chiếc
41	Huyết áp bắp tay điện tử	- Phương pháp đo: Đo dao động. - Giới hạn đo: Huyết áp: khoảng 20 tới 280 mm Hg Nhịp tim: khoảng 40 tới 180 nhịp/phút. - Độ chính xác: Huyết áp: ± 3 mm Hg. Nhịp tim: $\pm 5\%$. - Tự động bơm và xả khí. - Bộ đổi điện đồng bộ theo máy. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	9	Cái
42	Huyết áp cơ	- Khoảng đo : 20 - 280mmHg - Độ chính xác : ± 3 mmHg - Hệ thống bơm bằng cao su, quả bóp có van - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	34	Bộ
43	Kéo cắt chỉ	- Kéo cắt chỉ kích thước khoảng $\geq 11,5$ cm. Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	24	Cái
44	Kéo cong đầu tù 16cm	- Kéo cong đầu tù kích thước khoảng ≥ 16 cm. Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	22	Cái
45	Kéo cong phẫu thuật	- Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	37	Cái
46	Kéo đầu tù cắt băng gạc	- Kéo cắt băng, bề bột, kích thước khoảng ≥ 20 cm. Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	15	Cái
47	Kéo thẳng	- Kéo phẫu thuật Mayo thẳng kích thước khoảng ≥ 20 cm. Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	20	Cái
48	Kẹp cổ tử cung	- Kẹp cổ tử cung, kích thước khoảng ≥ 25 cm. Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	3	Cái
49	Kẹp phẫu tích có răng	- Kẹp phẫu tích loại thẳng có mấu các cỡ 18cm - 25cm. Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	23	Cái
50	Kẹp phẫu tích không răng	- Kẹp phẫu tích không mấu các cỡ 18cm- 25cm. Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	22	Cái
51	Khay tiêm các cỡ	- Kích thước khoảng: $\geq 22 \times 30$, sâu khoảng ≥ 4 cm, chất liệu inox SUS 304. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	88	Cái

STT	Danh mục	Một số yêu cầu về thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
52	Kìm bấm sinh thiết cổ tử cung	- Kìm cỡ khoảng ≥ 23 cm, chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	2	Cái
53	Kìm cá sấu	- Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	1	Cái
54	Kìm cắt nẹp	- Chất liệu: Thép không gỉ. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	1	Cái
55	Kìm cắt xương cong, thẳng 28 cm	- Chất liệu thép không gỉ, kích thước ≥ 27 cm. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	3	Cái
56	Kìm chết	- Chất liệu: thép không gỉ. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	2	Cái
57	Kìm Davie mở quạ	- Kìm cỡ ≥ 24 cm, chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	8	Cái
58	Kìm giữ xương Davie cong	- Kìm giữ xương, chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	4	Cái
59	Kìm kẹp kim	- Kìm kẹp kim cỡ ≥ 16 cm, chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	64	Cái
60	Kìm nhổ Răng 8 hàm dưới	- Chất liệu: thép không gỉ. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	10	Cái
61	Lưỡi đặt nội khí quản người lớn	- Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	3	Chiếc
62	Lưỡi Hummer lưng	- Lưỡi bảo thẳng, đường kính khoảng 4 mm, chiều dài khoảng 12 cm. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	1	Chiếc
63	Lưỡi Hummer thẳng	- Lưỡi bảo cong lên khoảng 65 độ, đường kính khoảng 4 mm, chiều dài khoảng 12 cm. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	1	Chiếc
64	Mask bóp bóng	- Dây kèm ambu bóp bóng chất liệu PVC/Silicon. Các cỡ người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	12	Cái
65	Mask thở CPAP	- Chất liệu nhựa y tế, silicone, có lỗ thoát khí. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	5	Cái
66	Mask thở oxy có túi	- Nẹp mũi có thể điều chỉnh, khóa xoay điều chỉnh, chất liệu PVC mềm. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	10	Cái

STT	Danh mục	Một số yêu cầu về thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
67	Máy điện châm	- Cấu hình: +Máy chính: 01 chiếc; +Giắc nguồn: 01 chiếc; + Điện cực dán : 02 cái + Dây cáp đầu ra: 06 cái +Bút dò huyết: 01 cái +Sách hướng dẫn: 01 quyển. - Thông số kỹ thuật : - Tối thiểu 5 loại dạng sóng: sóng liên tục, sóng không liên tục, sóng nén, sóng dao động và sóng bắt đầu / dừng. - Tần số xung khoảng 1,2Hz đến 55Hz. - Nguồn 220V/ 50Hz hoặc pin 9V bên trong. - Sáu kênh đầu ra, kích thích 12 huyết cùng lúc. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	13	Cái
68	Máy điện xung trung tần	- Cấu hình: + 01 dây nguồn + 04 chiếc điện cực cao su cỡ to, nhỏ. + 02 chiếc bao điện cực + 02 chiếc dây đai + 02 chiếc cầu chì + 01 sách hướng dẫn + 01 sách phác đồ - Thông số kỹ thuật + Tần số sóng trung tần: 2 kHz ~ 6 kHz + Tần số sóng thấp tần điều chỉnh: 1 ~ 150 Hz + Cường độ truy xuất: 0 ~ 100mA + Điện áp nguồn: 220V/ 50Hz	6	Cái
69	Máy hút dịch 2 bình	- Lưu lượng hút tối đa: $\geq 40\text{L/phút}$; Áp lực: $\geq 0.075\text{ MPa}$ - - Nguồn điện sử dụng: AC 220V – 50Hz; Độ ồn $\leq 65\text{dB}$; 02 bình, dung tích bình $\geq 2500\text{ml}$; Thiết kế bánh xe đẩy; Có bàn đạp chân thay thế bật công tắc điện. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	4	Cái
70	Máy khí dung	- Tốc độ khí dung $\geq 0,4\text{ ml/ phút}$. - Kích thước hạt $\leq 3\text{ }\mu\text{m MMAD}$. - Dung tích cốc đựng thuốc tối đa $\geq 7\text{ml}$. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	14	Cái
71	Mô vệt Inox	- Mô vệt cỡ nhỏ, trung, chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn 9001 hoặc tương đương.	30	Cái
72	Móc lác Graefe 14 cm	- Kích thước $\geq 14\text{ cm}$, chất liệu thép không gỉ. -Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	2	Cái
73	Móc nhọn lấy dị vật tai	- Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	5	Cái
74	Móc xương	- Kích thước $\geq 15\text{ cm}$, chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	1	Cái
75	Nẹp căng tay	- Chất liệu: vải dệt kim; vải có lỗ thoáng khí; Băng nhám dính; nẹp hợp kim nhôm. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	30	Cái

STT	Danh mục	Một số yêu cầu về thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
76	Nhiệt kế hồng ngoại	- Đo được nhiệt độ trong khoảng 35-42°C. - Hiện thị: Màn hình LCD. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	2	Cái
77	Nhiệt kế thủy ngân	- Dải đo 35-42°C - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	300	Cái
78	Nĩa Khuỷu	- Kích thước ≥ 12 cm, chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	6	Cái
79	Ống hút thai các số	- Loại 1 lỗ hút và 2 lỗ hút kích thước từ 4mm-12mm. - Loại sử dụng 1 lần đã tiệt trùng. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	70	Cái
80	Ống nghe	- Mặt nghe : Gồm chuông và màng nghe, được thiết kế hai mặt; Ống nghe hai tai làm bằng đồng thau; Dây chữ Y làm bằng nhựa PVC. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	44	Cái
81	Panh cong có máu	- Chất liệu thép không gỉ, cỡ ≥ 16 cm. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	44	Cái
82	Panh cong không máu các cỡ	- Chất liệu thép không gỉ, cỡ 16 cm - 25cm. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	59	Cái
83	Panh cong phẫu thuật	- Chất liệu thép không gỉ, cỡ ≥ 16 cm. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	32	Cái
84	Panh kẹp thuốc sản đầu rắn	- Chất liệu thép không gỉ, cỡ ≥ 25 cm. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	21	Cái
85	Panh sát khuẩn	- Chất liệu thép không gỉ, cỡ ≥ 25 cm. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	55	Cái
86	Panh thẳng có máu	- Chất liệu thép không gỉ, cỡ ≥ 25 cm. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	20	Cái
87	Panh thẳng không máu	- Chất liệu thép không gỉ, cỡ ≥ 25 cm. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	44	Cái
88	Pen gấp gạc	- Chất liệu thép không gỉ, cỡ ≥ 8 cm - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	3	Cái
89	Phẫu tích có máu	- Chất liệu thép không gỉ, cỡ ≥ 25 cm. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	27	Cái
90	Róc xương	- Dụng cụ bóc xương kích thước ≥ 21 cm. - Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	2	Cái

STT	Danh mục	Một số yêu cầu về thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
91	SPO2 cầm tay	- Loại: Đeo ngón tay - Màn hình: Tinh thể lỏng - Dải đo: 70-100% - Độ chính xác: 70-100%: +/- 2% - Dải đo nhịp mạch: 30 – 250 bpm - Độ chính xác: 30-99 bpm: +/- 2 bpm - Có chế độ tự động tắt sau khi không có tác động. - Pin AAA: 2 x 1,5V. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	22	Chiếc
92	Tay cầm Forceps	- Tay cầm bằng nhựa, có chân cầm đốt điện đơn cực. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	1	Chiếc
93	Tay cầm Forceps lưỡng cực, dạng xỏ ngón	- Tay cầm forceps lưỡng cực dạng xỏ ngón, có chân cầm đốt điện lưỡng cực. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	1	Chiếc
94	Tay dao Plassma	- Gồm 1 đầu cắt Amidal và 1 đầu nạo VA. Đầu cắt, đốt sử dụng trong phẫu thuật cắt Amidal và nạo VA có thể uốn cong theo hướng thích hợp. Có kênh hút dịch, khói, mô bên trong. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	5	Cái
95	Thìa nạo	- Chiều dài ≥ 23 cm, chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	9	Cái
96	Thước đo mắt Castrovijo	- Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	2	Cái
97	Thước đo vít	- Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	1	Cái
98	Trụ cầm phanh	- Kích thước: $\geq 55 \times 170$mm. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	33	Cái
99	Tua vít cán chữ T	- Tua vít cán chữ T (cỡ 3.5; 4,5); Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	4	Cái
100	Van âm đạo một đầu	- Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	20	Cái
101	Vỏ ngoài cho Forceps	- Vỏ ngoài bằng kim loại, có bọc cách điện, cỡ khoảng 5 mm, dài ≥ 36 cm. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	4	Chiếc
102	Vỏ ngoài Forcep lưỡng cực	- Vỏ ngoài Forcep lưỡng cực, cỡ 5mm, chiều dài ≥ 33 cm. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	1	Chiếc

II. Công cụ, dụng cụ thông thường, vật tư thay thế sửa chữa.

1	Bàn Tít dụng cụ	- Mặt khay được làm bằng tấm inox SUS 304 dày ≥ 1mm; kích thước $\geq 40 \times 60$ cm. - Chân bàn được bằng inox SUS 304 dày ≥ 1mm, điều chỉnh được chiều cao có thể tăng chỉnh 90cm - 110 cm. - 4 bánh xe (2 bánh xe có khóa).	3	Chiếc
2	Bao đo huyết áp máy monitor	- Bao đo huyết áp tương thích cho máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số Nihon Kohden.	34	Cái
3	Bát Inox nhỏ	- Được làm bằng inox SUS 304. Đường kính ≥ 8 cm.	144	Cái

STT	Danh mục	Một số yêu cầu về thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
4	Bát Inox to	- Được làm bằng inox SUS 304. Đường kính ≥ 15 cm.	8	Cái
5	Bầu xông khí dung	- Chất liệu nhựa y tế, sử dụng phù hợp với máy Omron NE-C28, NE-C29.	10	Cái
6	Bầu xông khí dung cho máy thở	- Bầu xông khí dung loại chữ T sử dụng cho máy thở. - Chất liệu nhựa y tế.	2	Cái
7	Bay đánh chất hàn răng	- Kích thước ≥ 16 cm, chất thép không gỉ.	2	Cái
8	Bể nhuộm tiêu bản	- Gồm: + Giá cắm lam bằng nhựa, chịu ăn mòn hóa chất, chứa được ≥ 24 lam. + Bể chứa hóa chất nhuộm bằng nhựa có nắp kín, chịu ăn mòn, thể tích 300ml.	15	Bộ
9	Bình làm ấm máy thở (người lớn)	- Chất liệu polysulfone/ nhôm (aluminum), kích thước đầu ra 22 mm / đầu vào 22 mm.	2	Cái
10	Bộ Sạc cho Pin AA	- Có thể sạc 4 pin AA, có đèn Led báo và chế độ tự ngắt khi pin đầy.	2	Bộ
11	Bóng đèn đặt ống nội khí quản	- Bóng đèn LED đặt nội khí quản, 2,5 - 3V, ánh sáng trắng, đuôi xoáy.	8	Cái
12	Bóng đèn gù	- Bóng đèn halogen 24V- 25w, đuôi gài, bóng dạng tròn, có tráng gương phản xạ phía trên.	40	Cái
13	Bóng đèn hồng ngoại	- Bóng đèn 220v - 240v, 250w, đuôi xoáy. Phổ ánh sáng hồng ngoại.	11	Cái
14	Bóng đèn kính hiển vi	- Bóng đèn HALOGEN 6V/20W, kiểu chân cắm.	2	Cái
15	Bóng Đèn mổ 24V-100W	- Bóng đèn Halogen 24V - 100W, 2 chân cắm.	10	Cái
16	Bóng Đèn mổ 24V-150W	- Bóng đèn Halogen 24V - 150W, 2 chân cắm.	10	Cái
17	Bóng đèn tia cực tím 120 cm	- Bóng đèn tia UV, dài 120cm.	12	Cái
18	Bóng đèn tia cực tím 60 cm	- Bóng đèn tia UV, dài 60cm.	3	Cái
19	Bóng đèn tia cực tím 90 cm	- Bóng đèn tia UV, dài 90cm.	2	Cái
20	Cảm biến SPO2 (sử dụng cho monitor 5 thông số Infinium)	- Sử dụng cho người lớn; Đầu kết nối 06 pin 01 khóa; Chiều dài ≥ 1 m; Tương thích với máy Infinium.	4	Cái
21	Cảm biến SPO2 (sử dụng cho monitor 5 thông số Nihon Kohden)	- Sử dụng cho người lớn; Đầu kết nối 09 pin; Chiều dài ≥ 70 cm; Tương thích với máy Nihon Kohnden.	5	Cái
22	Cây trám răng	- Làm bằng thép không gỉ, một đầu tròn, một đầu dẹt.	12	Cái
23	Chổi rửa dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng	- Chổi vệ sinh dụng cụ, cỡ 2,5mm - 16mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	10	Chiếc
24	Cọc truyền huyết thanh inox	- Chất liệu inox SUS 304, thanh treo chai dịch có thể điều chỉnh chiều cao khoảng, độ dày inox $\geq 0,8$ mm, 3 chân có bánh xe, 02 bánh xe có khóa.	7	Cái

STT	Danh mục	Một số yêu cầu về thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
25	Đai kéo giãn cột sống cổ	- Gồm: Bộ tời tự hãm, đai giữ cổ, cân lò xo lực. - Vật liệu: thép mạ kẽm, đai đeo bằng vải dù.	1	Bộ
26	Dây cao tần lưỡng cực	- Dây cao tần lưỡng cực, chân cắm đôi, cỡ khoảng 4 mm, chiều dài ≥ 3 m. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	1	Cái
27	Dây cáp điện tim cho máy monitor	- Bộ gồm: Dây cáp + Núm điện cực + Kẹp chỉ sử dụng cho máy monitor.	3	Bộ
28	Dây kẹp kim châm cứu	- Đầu dẹt, 1 dây 2 giác cá sấu đầu ra, dây dài ≥ 1 m.	100	Bộ
29	Dây nguồn máy điện châm	- Thông số đầu ra: 9V- 600mA, dây dài ≥ 1 m, đầu kết nối 5,5mm.	2	Cái
30	Đèn cực tím	- 02 bóng loại UV, kích thước: 120cm, công suất đèn ≥ 40 W, chân chiều cao ≥ 1 m 50, máng đèn chất liệu inox. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	4	Cái
31	Đồng hồ oxy kèm bình làm ẩm	- Hộp 1 bộ gồm đồng hồ và bình làm ẩm. - Lưu lượng tối đa ≥ 15 L/ phút. - Bình làm ẩm thể tích ≥ 200 ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	35	Cái
32	Ghế xoay inox	- Ghế xoay inox 3 chân, chất liệu inox SUS304. - Ghế có thể điều chỉnh chiều cao, đường kính mặt ghế khoảng 35cm.	5	Cái
33	Giá cầm lam	- Giá cầm lam ≥ 120 vị trí, chất liệu inox.	5	Cái
34	Giá cầm Micropipet	- Chất liệu nhựa - Có thể treo đến 6 Micropipette - Dạng thẳng đứng có thể tháo rời một cách dễ dàng	3	Cái
35	Giá để ống nghiệm	- Giá để ống nghiệm 2 tầng: ≥ 30 vị trí. - Chất liệu: Inox	3	Cái
36	Giá nhuộm lam	- Giá nhuộm lam ≥ 10 vị trí. - Chất liệu: nhôm hoặc inox 304.	15	Cái
37	Hộp cầm lam kính	- Hộp đựng lam kính 100 vị trí - Được làm bằng vật liệu ABS	15	Cái
38	Hộp đựng bông cotton	- Đường kính khoảng 8 cm, chất liệu Inox SUS304	43	Hộp
39	Hộp hấp bông	- Đường kính ≥ 300 mm, chiều cao ≥ 165 mm. Chất liệu inox SUS304.	5	Hộp
40	Hộp kính thử thị lực	- Chất liệu trong kính bằng thủy tinh - Gọng kính có thể điều chỉnh được, Full hộp ≥ 228 mắt kính.	1	Hộp
41	Khay quả đậu	- Kích thước ≥ 20 cm x 12 cm. Chất liệu inox SUS304	12	Cái
42	Kim cắt chỉ thép	- Chất liệu thép không gỉ. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	2	Cái
43	Mặt gương nha khoa	- Mặt gương sáng bóng, bán kính từ 1 cm- 2 cm.	24	Cái
44	Micro Pipet	- Loại pipette tự động đơn kênh. Dung tích: 10-100 μ l; 100-1000 μ l.	7	Cái
45	Nắp cao su đầu trocar 11mm	- Nắp cao su đầu trocar cỡ khoảng 11 mm	10	Cái
46	Nắp cao su đầu trocar 6mm	- Nắp cao su đầu trocar cỡ khoảng 6 mm	10	Cái
47	Nhiệt ẩm kế tự ghi	- Độ chính xác nhiệt độ: $\pm 1,0$ °C - Độ chính xác Độ ẩm: $\pm 2 - 5\%$ RH - Phạm vi đo nhiệt độ: - 40 ~ + 80 °C - Dải đo Độ ẩm: 0 ~ 100% RH - Dung lượng ghi: ≥ 40.000 lượt	4	Cái
48	Bình sạc AA 1.5V	- Pin AA ≥ 3300 mAh, điện áp 1,5V.	20	Đôi

STT	Danh mục	Một số yêu cầu về thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
49	Tay khoan chậm	- Bộ gồm 3 chi tiết: Cù tay chậm + tay chậm thẳng và tay chậm khuấy. - Chất liệu thép không rỉ.	1	Cái
50	Tay khoan nhanh	- Tay khoan nhanh nha khoa, có đèn LED. - Chất liệu thép không rỉ.	2	Cái
51	Xe đẩy bệnh nhân	- Chất liệu khung xe: hợp kim nhôm; Ghế ngồi chất liệu đệm vải thoáng khí; Tải trọng $\geq 75\text{kg}$; Chiều rộng ghế ngồi $\geq 44\text{cm}$; Có phanh tay cho người đẩy, bánh xe có khóa.	4	Cái
52	Xe đẩy cáng cứu thương	- Cáng gồm 2 phần: Xe và cáng, cáng có thể nhấc ra khỏi xe, có nệm kèm theo. - Mặt cáng: Inox SUS 304 lá dày $\geq 0,8\text{ mm}$ - Khung Inox 304 dày $\geq 1\text{ mm}$ - Lan can có thể gập lên hạ xuống. - 04 bánh xe, 02 bánh có khóa. - Chất liệu Inox SUS 304.	3	Cái
53	Xe đẩy máy monitor	- Giá đỡ monitor chiều dài từ 75 cm - 1,2 m, có thể nâng lên hạ xuống. - Khung mặt: Dài: $\geq 40\text{cm}$, rộng: $\geq 30\text{ cm}$, độ dày mặt $\geq 3\text{mm}$, dùng để đặt monitor lên. - Có 5 bánh, 2 bánh có khóa, có giá để đồ.	1	Cái
54	Xe tiêm 3 tầng	- Chất liệu Inox SUS 304, xe chia 3 tầng, mặt bàn: Inox lá dày $\geq 0,8\text{ mm}$. - Chiều cao tổng thể $\geq 105\text{ cm}$, dài 75 cm, rộng 50 cm, khoảng cách giữa 2 tầng 47 cm. - 04 bánh, 02 bánh có khóa, đường kính bánh $\geq 10\text{ cm}$.	5	Cái
Tổng: 156 khoản				

PHỤ LỤC SỐ 02: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 633 /CV-BVBV ngày 13/7/2023 của Bệnh viện Đa khoa huyện Ba Vì)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VNĐ)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VNĐ)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo

hiếm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.